PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 3 Lesson 3 · Unit 4 Lesson 1 (SGK tr. 16–17)

Tuần 6

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Mẫu: Ss Rr

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Ss, Rr).

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

 ☐ ail	 ☐ and	 ☐ ea	 ☐ ainbow	 ☐ iver

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

☐ ea (biển) ☐ ail (cánh buồm) ☐ iver (dòng sông)

☐ and (cát)

Bài 4: Match – nối hình với từ

	sand
	sea
	rainbow
	river
	sail

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. sea	a. cầu vồng
2. rainbow	b. dòng sông
3. river	c. con đường
4. road	d. biển

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Let's look at the sea! nghĩa là gì?
   (A) Cùng nhìn biển nào! (B) Biển rất to. (C) Tôi thích biển.
2. rainbow nghĩa là gì?
   (A) dòng sông (B) cầu vồng (C) con đường
3. Từ nào bắt đầu bằng chữ r?
   (A) sea (B) sand (C) river

onthi.app – phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 6

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Ss Rr

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

⛵ – **sail** ⛱️ – **sand** 🌊 – **sea** 🌈 – **rainbow** 🏞️ – **river**

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

sea (biển) **sail** (cánh buồm) **river** (dòng sông) **sand** (cát)

Bài 4: Match – nối hình với từ

⛵ – **sail** ⛱️ – **sand** 🌊 – **sea** 🌈 – **rainbow** 🏞️ – **river**

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **d** 2 – **a** 3 – **b** 4 – **c**

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (Cùng nhìn biển nào!) 2. **B** (cầu vồng) 3. **C** (river)

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án